

Số: 27.3/KDPT-ĐC

Bình Dương, ngày 15 tháng 5 năm 2015

V/v đính chính số liệu của Báo cáo tài
chính Hợp nhất Quý 1 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2015 của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương,

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương xin đính chính lại nội dung ở mã số 420, 420a, 439 Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2015 như sau:

1. Số liệu trước khi đính chính:

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.27	104.531.466.163	119.077.396.291
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	V.27	119.077.400.289	119.077.396.291
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.28	37.155.930.971	38.304.277.427

2. Số liệu sau khi đính chính:

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.27	104.531.466.165	119.077.396.291
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	V.27	119.077.396.291	119.077.396.291
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.28	37.155.930.969	38.304.277.427

Lý do đính chính: Do sai sót trong quá trình nhập liệu báo cáo tài chính của Công ty con.

Báo cáo tài chính sửa đổi được đính kèm theo công văn này và công bố trên Website của công ty, Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương xin báo cáo để các quý cơ quan được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VP, TKCT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Văn Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, l6 I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.525.861.290.029	1.439.460.322.279
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.816.104.141	32.262.470.401
1. Tiền	111	V.1	20.316.104.141	31.740.212.526
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	500.000.000	522.257.875
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.732.366.700	2.732.366.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2a	4.893.028.550	4.893.028.550
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.160.661.850)	(2.160.661.850)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		696.235.269.153	622.273.721.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4a	661.187.955.554	600.356.145.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.624.904.394	14.611.126.318
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	25.038.827.400	15.922.868.364
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.616.418.195)	(8.616.418.195)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý			-	-
IV. Hàng tồn kho	140		614.571.097.723	599.710.798.594
1. Hàng tồn kho	141	V.7	614.571.097.723	599.710.798.594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		191.506.452.312	182.480.964.864
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10.827.748.560	6.164.777.983
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.641.505.143	175.119.195.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.26	1.689.995.606	1.074.773.930
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	347.203.003	122.217.231



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.791.413.750.561	4.813.240.287.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		622.889.983.935	683.572.217.709
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.4b	616.501.301.127	677.411.137.164
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5b	6.388.682.808	6.161.080.545
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		278.265.661.741	288.987.491.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	238.711.144.427	248.978.281.733
<i>Nguyên giá</i>	222		373.750.052.752	375.134.112.752
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(135.038.908.325)	(126.155.831.019)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	39.554.517.314	40.009.210.226
<i>Nguyên giá</i>	228		42.996.870.716	42.996.870.716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.442.353.402)	(2.987.660.490)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	-	1.374.519.985
<i>Nguyên giá</i>	231		-	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	(1.034.751.015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.803.645.447.933	3.741.417.120.879
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8a	3.747.544.974.012	3.688.908.218.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8b	56.100.473.921	52.508.902.747
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.412.007.598	71.349.226.105
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	17.984.725.852	17.921.944.359
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258	V.15	53.460.000.000	53.460.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.18	(32.718.254)	(32.718.254)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.071.518.032	25.263.301.246
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	10.070.927.071	19.729.132.113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	4.000.590.961	4.090.796.966
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	268		-	-
4. Tài sản dài hạn khác			-	1.443.372.167
VI. Lợi thế thương mại	269	V.17	1.129.131.322	1.276.409.320
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.317.275.040.589	6.252.700.609.483

31004130
**CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 KINH DOANH VÀ
 PHÁT TRIỂN
 BÌNH DƯƠNG**
 THỦ DẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.122.970.261.590	5.042.701.553.900
I. Nợ ngắn hạn	310		2.932.306.388.328	2.836.181.631.762
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20a	1.758.386.672.756	1.755.490.717.918
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.24	380.605.270.340	340.965.195.610
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	313	V.21	1.338.261.422	30.327.161.489
4. Phải trả công nhân viên	314	V.22	6.788.271.634	9.853.913.354
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23a	65.773.942.961	21.111.124.774
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.26	372.924.810	372.924.810
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24a	10.419.071.436	25.178.795.152
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	706.047.562.465	646.314.865.781
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	323	V.25a	6.596.789.018	6.201.754.532
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	327		(4.022.378.514)	365.178.342
II. Nợ dài hạn	330		2.190.663.873.262	2.206.519.922.138
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.20b	891.168.482.217	891.168.482.217
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.23b	572.691.917.102	575.730.754.258
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.26	2.471.612.042	2.968.199.538
6. Phải trả dài hạn khác	337	V.24b	191.119.700.942	217.294.990.018
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,19	530.406.188.990	516.844.951.921
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
9. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.25b	2.805.971.969	2.512.544.186
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.157.148.848.031	1.171.694.778.157
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.157.148.848.031	1.171.694.778.157
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.27	8.044.411.019	8.044.411.019
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	42.731.847.007	42.731.847.007
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.27	104.531.466.165	119.077.396.291
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	V.27	119.077.396.291	119.077.396.291
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	V.27	(14.545.930.126)	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.28	37.155.930.969	38.304.277.427
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.317.275.040.589	6.252.700.609.483

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

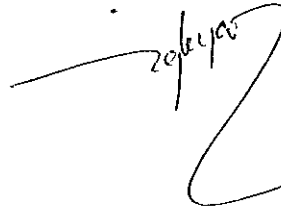
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		14.224.277	14.224.277		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		209,33	320,24		
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Bình Dương, ngày 11 tháng 05 năm 2015



Lê Ngọc Hương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nga
TUQ Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn đầy đủ)

Quý I Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	244.338.298.565	179.195.328.795	244.338.298.565	179.195.328.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.713.749.847	102.235.582.312	10.713.749.847	102.235.582.312
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	233.624.548.718	76.959.746.483	233.624.548.718	76.959.746.483
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	208.653.337.627	62.996.923.195	208.653.337.627	62.996.923.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.971.211.091	13.962.823.288	24.971.211.091	13.962.823.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	473.929.115	753.627.515	473.929.115	753.627.515
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.550.846.412	8.698.439.860	15.550.846.412	8.698.439.860
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.453.099.928	8.528.035.949	14.453.099.928	8.528.035.949
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.391.464.553	24.254.428.031	16.391.464.553	24.254.428.031
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.852.151.539	12.866.382.884	10.852.151.539	12.866.382.884
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.349.322.297)	(31.102.799.971)	(17.349.322.297)	(31.102.799.971)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.580.951.365	9.185.588.011	3.580.951.365	9.185.588.011
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.777.554.547	1.086.821.702	1.777.554.547	1.086.821.702
13. Lợi nhuận khác	40		1.803.396.818	8.098.766.309	1.803.396.818	8.098.766.309



Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Quý 1

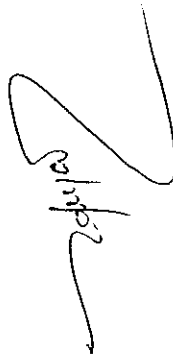
Mã Thuyết số	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
45	62.781.493 (15.483.143.986)	43.520.768 (22.960.512.894)	62.781.493 (15.483.143.986)	43.520.768 (22.960.512.894)
51	120.926.592	44.883.895	120.926.592	44.883.895
52	90.206.005	(159.104.022)	90.206.005	(159.104.022)
60	(15.694.276.583)	(22.846.292.767)	(15.694.276.583)	(22.846.292.767)
61	(1.148.346.457)	(1.387.130.294)	(1.148.346.457)	(1.387.130.294)
62	(14.545.930.126)	(21.459.162.473)	(14.545.930.126)	(21.459.162.473)
70	(145)	(215)	(145)	(215)
71				

CHỈ TIÊU

14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số
- 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

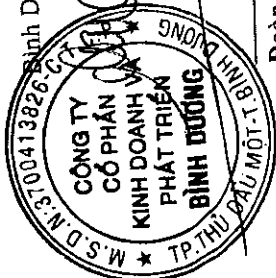


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nga
TUQ Kế Toán Trưởng

M.S.D.N.31.00413826, Bình Dương, ngày 11 tháng 05 năm 2015



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ I NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		361.373.445.036	498.612.096.119
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(293.629.040.072)	(252.967.163.108)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.324.612.019)	(21.494.526.466)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.716.584.366)	(8.739.668.001)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(29.120.437.422)	(42.234.466.287)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.275.459.001	42.680.078.977
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		65.056.673.312	(110.203.873.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.914.903.470	105.652.278.078
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.538.000)	(2.317.014.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		153.974.402	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	2.516.087.000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		197.524.352	218.005.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		344.960.754	717.077.800

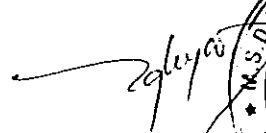



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm

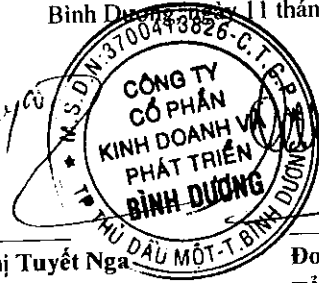
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.818.758.428	1.842.877.985
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119.816.381.960)	(139.332.839.795)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.000.000)	(80.926.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(104.005.623.532)	(137.570.888.016)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.745.759.308)	(31.201.332.135)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.561.863.449	51.510.909.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	20.816.104.141	20.309.577.758


Lê Ngọc Hương
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Tuyết Nga
 TUG Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 11 tháng 05 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- Tổng số các công ty con** : 4
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9b-CN KCN Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.	70,59%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, Đường Lê Hoàng, P.Hòa Phú, TP.Thủ Dầu một, Tỉnh Bình Dương	78,01%	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	81,00%	81,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Trường Đại học Quốc tế miền Đông	Khu đô thị mới thuộc khu liên hợp Công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Tập đoàn có 898 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 916 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đang hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Toà nhà Central, số 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

382
T
PH
DO
T
NH
DẦU

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

6-C,
Y
AN
NH V
RIEN
DUC
MOT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hường đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

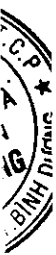
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí khác

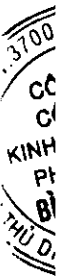
Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong năm trong thời gian từ 02 - 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

41382
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH
VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG
THỦ DẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.375 VND/USD
31/03/2015: 21.520 VND/USD

24. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.926.844.093	2.764.067.365
Tiền gửi ngân hàng	16.389.260.048	28.976.145.151
Cộng	<u>20.316.104.141</u>	<u>31.740.212.526</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh:**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	4.893.028.550		4.893.028.550	
Cộng	<u>4.893.028.550</u>		<u>4.893.028.550</u>	

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Chỉ tiêu	<u>Cuối kỳ (31/03/2015)</u>		<u>Đầu kỳ (01/01/2015)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ gửi ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	522.257.875	522.257.875
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>522.257.875</u>	<u>522.257.875</u>

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Chỉ tiêu	<u>Cuối kỳ (31/03/2015)</u>			<u>Đầu kỳ (01/01/2015)</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào Công ty liên doanh						
1. Công ty TNHH Sinviet	2.235.910.000			2.235.910.000		
2. Trường ĐH Quốc Tế Miền Đông	14.400.000.000		70.217.159	14.400.000.000		70.217.159
Cộng	<u>16.635.910.000</u>		<u>70.217.159</u>	<u>16.635.910.000</u>		<u>70.217.159</u>
Đầu tư vào đơn vị khác						
1. Công ty CP ĐT & KD BĐS	7.000.000.000		32.718.254	7.000.000.000		32.718.254
2. Công ty Cp Dược Becamex	1.020.000.000			1.020.000.000		
3. Công ty Cp Bệnh Viện Mỹ Phước	30.800.000.000			30.800.000.000		
4. Công ty CP BT Ly Tâm Thủ Đức	14.640.000.000			14.640.000.000		
Cộng	<u>53.460.000.000</u>		<u>32.718.254</u>	<u>53.460.000.000</u>		<u>32.718.254</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

5700
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 KINH
 DOANH
 VÀ
 PHÁT
 TRIỂN
 BÌNH
 DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.160.661.850.	3.386.845.835
Trích lập dự phòng bổ sung		737.224.800
Hoàn nhập dự phòng		(1.963.408.785)
Số cuối năm	<u>2.160.661.850</u>	<u>2.160.661.850</u>

4. Phải thu khách hàng

a. Phải thu khách hàng ngắn hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả		
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	373.573.339.066	307.261.194.706
Các khoản phải thu khác	287.614.616.488	293.092.950.527
Cộng	<u>661.187.955.554</u>	<u>600.356.145.233</u>

b. Phải thu khách hàng dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu:		
- Cty CP Nam Việt Phát	184.366.452.958	184.366.452.958
- Cty TNHH XD DV TM Trần Long	163.010.229.010	163.010.229.010
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sản xuất thành phẩm, xây dựng	265.612.199.159	313.634.455.196
Các khoản phải thu khác	12.000.000.000	16.400.000.000
Cộng	<u>616.501.301.127</u>	<u>677.411.137.164</u>

c. Phải thu các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cty CP PT Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex IJC	696.477.718	700.748.391
- Cty CP Bệnh Viện Mỹ Phước	10.285.664.625	10.207.064.625
- Cty LD TNHH KCN Việt Nam - Singapore	3.278.276.802	3.278.276.802
- Cty CP Câu Lạc Bộ Bóng Đá Bình Dương	185.399.790	185.399.790
- Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi Trường Bình Dương	9.312.011	9.312.011
- Cty CP Tư Vấn Dịch Vụ Đầu Tư	2.431.000	2.528.575
Cộng	<u>14.457.561.946</u>	<u>14.383.330.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	(153.102.665)	2.846.897.335
Tạm ứng cho nhân viên	18.259.315.430	9.915.570.688
Phải thu tiền thăm quan du lịch	85.075.000	107.375.000
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	84.058.854	78.980.110
Tạm ứng chờ xử lý	73.386.000	73.386.000
Phải thu khác	6.690.094.781	2.900.659.231
Cộng	25.038.827.400	15.922.868.364

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	907.620.306	1.124.852.450
Ký cược, ký quỹ	820.874.560	817.294.840
Lệ phí trước bạ phải thu	1.307.266.917	866.012.230
Tạm ứng vốn hoạt động	649.003.039	649.003.039
Thuế GTGT đầu ra	2.290.227.184	2.290.227.184
Phải thu khác	413.690.802	413.690.802
Cộng	6.388.682.808	6.161.080.545

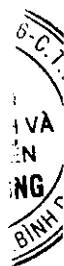
6. Nợ xấu

Giá gốc	Cuối năm		Giá gốc	Đầu năm	
	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ		Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (chiếm 10%)</i>					
3.599.519.099		Cty CP TM DV XD Hoàng duyên	3.599.519.099		Cty CP TM DV XD Hoàng duyên
3.599.519.099			3.599.519.099		

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	39.373.204.585	33.585.017.201
Công cụ dụng cụ	1.474.852.514	1.501.561.809
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	81.597.858.968	75.937.456.041
Thành phẩm	2.012.328.187	3.135.871.021
Hàng hóa	490.109.271.257	485.541.570.960
Hàng gửi đi bán	3.582.212	9.321.562
Cộng	614.571.097.723	599.710.798.594

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.747.544.974.012	3.688.908.218.132
b. Xây dựng cơ bản dở dang	56.100.473.921	52.508.902.747
- Mua sắm	55.608.810.635	47.716.237.286
- XDCB	7.294.067.123	4.417.194.814
- Sửa chữa		375.470.647
Cộng	3.803.645.447.933	3.741.417.120.879

9. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.513.444.314	1.647.365.456
Chi phí vay		
Các khoản khác	9.314.304.246	4.517.412.527
Cộng	10.827.748.560	6.164.777.983

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng		3.627.949.563
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.031.886.686	4.060.837.777
Phí phát hành trái phiếu		4.004.848.486
Phí sửa chữa văn phòng bất động sản		
Các khoản khác	8.039.040.385	8.035.496.287
Cộng	10.070.927.071	19.729.132.113

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng		
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	347.203.003	122.217.231
Cộng	347.203.003	122.217.231

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	108.677.387.654	111.286.216.302	139.327.055.043	2.699.346.451	13.144.107.302	375.134.112.752
Tăng trong năm						
Mua trong năm				46.740.000		46.740.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Tăng do điều chuyển nội bộ						
Tăng khác (do phân loại tài sản)						
Giảm trong năm						
Thanh lý, nhượng bán			(1.430.800.000)			(1.430.800.000)
Phân loại lại tài sản						
Giảm do điều chuyển						

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<i>nội bộ</i>						
Số cuối năm	108.677.387.654	111.286.216.302	137.896.355.043	2.746.086.451	13.144.107.302	373.750.152.752
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.912.000.333	37.852.131.859	53.161.495.942	1.524.310.540	3.705.892.345	126.155.831.019
Khấu hao trong năm	2.177.884.086	2.706.708.829	3.903.019.314	81.019.447	181.648.414	9.050.280.090
<i>Tăng do điều chuyển nội bộ</i>						
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			(167.202.784)			(167.202.784)
<i>Giảm do điều chuyển nội bộ</i>						
Số cuối năm	32.089.884.419	40.558.840.688	56.897.312.472	1.605.329.987	3.887.540.759	135.038.908.325
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	78.765.387.321	73.434.084.443	76.165.659.101	1.175.035.911	9.438.214.957	248.978.381.733
Số cuối năm	76.587.503.235	70.727.375.614	80.999.042.571	1.140.756.464	9.256.566.543	238.711.244.427
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính + khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.721.407.382	275.463.334	42.996.870.716
Tăng trong năm			
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>			
<i>Tăng khác (do phân loại lại tài sản)</i>			
Số cuối năm	42.721.407.382	275.463.334	42.996.870.716
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.784.086.769	203.573.721	2.987.660.490
Khấu hao trong năm	450.355.020	4.337.892	454.692.912
Số cuối năm	3.234.441.789	207.911.613	3.442.353.402
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	39.937.320.613	71.889.613	40.009.210.226
Số cuối năm	39.486.965.593	67.551.721	39.554.517.314
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.409.271.000
Số cuối năm	<u>2.409.271.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.034.751.018
Giảm trong năm	1.374.519.985
Số cuối năm	<u>0</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	0
Số cuối năm	<u>0</u>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾	50,00%	3.654.943.011	50,00%	3.592.161.518
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾	24,00%	14.329.782.841		14.329.782.841
Cộng		<u>17.984.725.852</u>		<u>17.921.944.359</u>

(152) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(153) Khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông được phân loại từ đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.17). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng (giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Sinviet	3.592.161.518	62.781.493		3.654.943.011
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	14.329.782.841			14.329.782.841
Cộng	<u>17.921.944.359</u>	<u>62.781.493</u>		<u>17.984.725.852</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	30.800.000.000	1.700.000	30.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
Cộng		53.460.000.000		53.460.000.000

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.090.796.966	5.648.536.340
Số phát sinh	(90.206.005)	(1.557.739.371)
Số cuối năm	4.000.590.961	4.090.796.966

17. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	2.945.559.970
Số cuối năm	2.945.559.970
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	1.669.150.650
Phân bổ trong năm	147.277.999
Số cuối năm	1.816.428.649
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.276.409.320
Số cuối năm	1.129.131.321

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	706.912.385.527	646.314.865.781
b. Dài hạn		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

41382
CÔNG TY
PHẦN
DOANH
PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG
THỦ DẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	138.891.601.471	116.844.951.921
Cộng	622.515.565.781	763.159.817.702
(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình (xem thuyết minh số V.12 và V.13)		
(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.		
(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.		
(iv) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn với tổng giá trị là 474.049.016.000 VND.		

19. Trái phiếu phát hành

Loại phát hành theo mệnh giá	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	391.514.587.519		5 năm	400.000.000.000		5 năm
Cộng	391.514.587.519			400.000.000.000		

20. Phải trả cho người bán**a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:		
- Công ty CP Kinh Doanh & ĐT Bình Dương	1.325.632.088.857	1.328.693.262.820
- Công ty CP Kinh Doanh & ĐT Bình Dương	875.334.000.000	875.334.000.000
- Tổng Cty Đầu Tư & PT CN – TNHH MTV	450.298.088.857	450.298.088.857
Phải trả cho các đối tượng khác	432.754.583.899	426.797.455.098
Cộng	1.758.386.672.756	1.755.490.717.918

b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số quá hạn:		
- Công ty CP Kinh Doanh & ĐT Bình Dương	882.680.902.217	891.168.482.217
- Công ty CP Kinh Doanh & ĐT Bình Dương	882.680.902.217	891.168.482.217
Phải trả cho các đối tượng khác	8.487.580.000	-
Cộng	891.168.482.217	891.168.482.217

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.588.863.949	11.468.774.459	(12.200.280.698)	857.357.710
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	27.952.143.510	120.926.592	(29.120.437.422)	(1.047.367.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884			50.925.884
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(529.435.783)	229.283.061	(72.909.336)	(373.062.058)
Các loại thuế khác	151.912.000	261.776.532	(285.448.532)	128.240.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	37.978.000	75.841.920	(81.648.320)	32.171.600
Cộng	29.252.387.560	12.156.602.564	(41.760.724.308)	(351.734.600)

b. Phải thu

Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	176.056.788.724	32.130.820.998	(29.546.104.579)	178.641.505.143
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ		309.307.994	(309.307.994)	
Cộng	176.056.788.724	32.440.128.992	(29.855.412.573)	178.641.505.143

(*) Trong đó, thuế TNCN, thuế TNDN, thuế GTGT nộp thừa cuối năm của Công ty Mẹ 1.470.180.038 VND, Công ty CP Cửa Sổ Mùa Xuân : 255.382.377 VND. Công ty CP ĐT Xây Dựng Việt 15.359.075 VND. Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế TNCN còn phải nộp của Công ty mẹ là 50.925.884 VND, Công ty CP Cửa Sổ Mùa Xuân 1.372.750 VND, Công ty CP ĐT Xây Dựng Việt 609.413.448 VND, Công ty CP Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex 3.870.458 VND, Công ty CP vật liệu xây Becamex : 723.604.766 VND được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

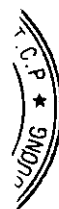
Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay		419.601.696
Trích trước chi phí công trình	48.291.567.822	18.835.579.390
Chi phí khác	17.401.136.925	1.502.931.140
Cộng	<u><u>65.773.942.961</u></u>	<u><u>21.111.124.774</u></u>
b. Dài hạn		
Lãi chậm trả cổ tức	17.204.545.050	17.204.545.050
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán	555.394.687.388	558.351.220.208
Các khoản trích trước khác	92.684.664	175.019.000
Cộng	<u><u>572.691.917.102</u></u>	<u><u>575.730.754.258</u></u>

24. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	1.732.838.497	687.982.253
Cổ tức phải trả	(3.899.926.930)	-??
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	94.171.250	-??
Thu Tiền đặt chỗ ASXH Định Hòa	5.155.000.000	4.680.000.000
Thu Tiền độ nhà ASXH Định Hòa	1.309.988.000	1.010.602.000
Cộng	<u><u>10.419.071.436</u></u>	<u><u>25.178.795.152</u></u>
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	229.989.000	154.989.000
Chi tiền thanh lý HĐ cho khách hàng	24.065.542.007	27.124.671.144
Thu 2% phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.717.664.463	5.664.431.391
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	160.503.365.392	200.503.365.392
Các khoản phải trả, phải nộp khác	583.140.080	583.140.080
Cộng	<u><u>191.099.700.942</u></u>	<u><u>217.294.990.018</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Dự phòng phải trả

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa BĐS	328.099.969	328.099.969
Dự phòng bảo hành công trình XD dự án ngoài	4.596.041.525	4.257.719.761
Dự phòng bảo hành SP hàng hóa	1.672.647.524	1.615.934.802
Cộng	6.596.789.018	6.201.754.532
b. Dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa BĐS	-	-
Dự phòng bảo hành công trình XD dự án ngoài	1.258.380.390	1.258.380.390
Dự phòng bảo hành SP hàng hóa	1.547.591.579	1.254.163.796
Cộng	2.805.971.969	2.512.544.186

26. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	38.304.277.427	42.131.511.921
Tăng do đầu tư	-	-
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	(1.503.389.563)	(3.924.686.014)
Thanh lý Công ty con	-	(780.000.000)
Tăng khác	355.043.106	2.535.676.978
Cổ tức đã trả	-	(1.658.225.458)
Số cuối năm	37.155.930.970	38.304.277.427

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

W.370
CỔ
CỔ
INH
PHÁ
BÌNH
ĐẦU MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	102.884.699.185	63.238.206.075
- Doanh thu thuần thành phẩm	56.942.581.052	58.220.260.691
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.236.576.657	55.077.229.389
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.928.775.016	2.659.632.640
- Doanh thu thi công xây dựng (chi tiết như sau)	75.345.666.655	
	<u>244.338.298.565</u>	<u>76.959.746.483</u>

Trong đó:

- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014	(3.292.588.845)	
+ Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014	28.452.307.975	
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC		
+ Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014	31.809.728.895	
+ Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014	28.452.307.975	

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

Tổng Cty ĐT & PT CN - TNHH MTV

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	11.111.213.105	5.411.113.945
- Doanh thu thi công xây dựng (chi tiết như sau)	60.262.036.870	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó:

a. Hàng bán trả lại

- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần thành phẩm		
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	10.711.217.671	102.235.582.312
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thi công xây dựng (chi tiết như sau)		

041
NG
PH
OAI
TF
DU
T-Y

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	96.128.914.312	60.027.183.428
Giá vốn bán thành phẩm	39.640.599.756	47.651.556.414
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	(3.791.676.315)	(47.109.663.518)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.646.024.264	2.427.746.872
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	74.029.475.610	
Cộng	<u>208.653.337.627</u>	<u>62.996.923.195</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	146.696.578	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	47.609.133	202.939.957
Cổ tức, lợi nhuận được chia		24.546.625
Lãi bán hàng trả chậm	207.237.222	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Doanh thu tài chính khác	72.386.182	526.140.906
Cộng	<u>473.929.115</u>	<u>753.627.515</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.453.099.928	8.528.035.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		162.673.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chi phí lãi trả chậm cổ tức		
Dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Dự phòng giảm giá Đầu tư tài chính dài hạn khác		
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC		
Chi phí khác	1.097.746.484	7.730.696
Cộng	<u>15.550.846.412</u>	<u>8.698.439.860</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	5.167.284.162	5.231.584.297
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.850.715	574.866.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	995.984.765	1.061.529.863
Chi phí hoa hồng môi giới		4.502.412.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.346.692.971	2.664.037.292
Chi phí khác	7.834.641.940	10.519.997.323
Cộng	<u>16.391.464.553</u>	<u>24.254.428.031</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

3826
TY
ÁN
KH VÀ
LIÊN
JNG
BÌNH D

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.136.813.348	6.075.817.172
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	565.516.809	391.817.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.110.812.888	1.157.495.995
Thuế, phí và lệ phí		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.054.177.175	1.136.731.410
Chi phí khác	1.984.831.319	4.104.521.041
Cộng	<u>10.852.151.539</u>	<u>12.866.382.884</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.418.181.818	
Xử lý vật tư hàng hóa thừa		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	23.601.551	67.665.389
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.460.060.000	7.979.706.885
Bất lợi thương mại		
Thu tiền bán phế liệu		
Thu nhập khác	679.107.996	1.138.215.737
Cộng	<u>3.580.951.365</u>	<u>9.185.588.011</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.264.207.416	136.498.557
Phạt do vi phạm hợp đồng	512.805.070	905.031.750
Chi phí khấu hao		
Chi phí khác	542.061	45.291.395
Cộng	<u>1.777.554.547</u>	<u>1.086.821.702</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(14.545.930.126)	(21.459.162.473)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(14.545.930.126)	(21.459.162.473)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(145)</u>	<u>(215)</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.271.019.864	92.222.625.500
Chi phí nhân công	19.560.801.969	23.641.641.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.761.335.039	8.688.332.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.514.330.173	5.124.835.769
Chi phí khác	16.896.464.073	23.855.490.760
Cộng	<u>175.003.951.118</u>	<u>154.532.926.406</u>

12. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	390.000.000	315.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	23.695.980	19.157.160
Tiền thưởng	130.000.000	210.000.000
Cộng	<u>543.695.980</u>	<u>544.157.160</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần dược phẩm Savipharm	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Ánh Sao Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần công nghệ thông tin Việt Nam (VNIT)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	11.150.034.105	7.448.820.689
Mua quyền sử dụng đất		
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	13.495.454	79.355.141
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ</i>		
Bán thành phẩm, nguyên liệu		
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	3.358.596.938	774.266.817
Mua nguyên vật liệu		
Cổ tức được chia		
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	650.783.907	226.745.545
Mua hàng hóa thành phẩm		
Thu tiền cổ tức		
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Thi công công trình		26.745.545
Thu tiền cổ tức		
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Thi công công trình		
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

N 370
C
C
KINH.
PH/
BINI
ĐẦU

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	(249.497.902.503)	(17.062.033.008)
Ứng tiền bán nguyên vật liệu		
Ứng tiền xây dựng công trình		
Bán bất động sản		
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	11.243.643.331	6.136.306.983
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	744.182.623	17.937.855
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	1.771.765.945	67.272.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ		
Bán thành phẩm		3.029.881.505
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	185.399.790	
Mua nguyên vật liệu		
Công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương	9.312.011	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	10.285.664.625	(33.691.719.850)
Phải trả thuê căn hộ		
Thi công công trình		
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	3.278.276.802	3.278.276.802
Xây dựng công trình		
Công ty cổ phần Setia Becamex		
Phải trả thuê căn hộ	370.440.576	
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông		
Xây dựng công trình		
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	2.431.000	
Cộng nợ phải thu	(221.606.785.800)	(37.297.796.771)
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	455.486.781.176	857.645.306.263
Mua đất nền		
Phải trả tiền thuê đất và phí quản lý		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

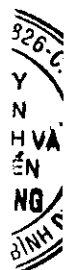
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	160.311.650.000	200.311.650.000
Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chia	17.204.545.050	9.080.794.800
Ứng tiền công trình xây dựng		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu		
Các khoản khác		
Công ty cấp thoát nước môi trường Bình Dương	124.509.365	
Cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	1.897.434.648	
Công ty liên doanh TNHH SinViet	3.080.000	10.246.500
Cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần dược Becamex		
Ứng trước thi công công trình		
Mua đất nền	118.453.617.548	133.549.408.550
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	11.648.462.558	2.936.598.622
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương		
Mua nhà	120.000.000	120.000.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua nguyên vật liệu	687.375.125	1.910.384.856
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua nguyên vật liệu		
Công ty cổ phần công nghệ thông tin VN	4.126.447.002	
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Mua đất nền	1.766.502.482.217	
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	8.468.636.838	
Phải trả tiền mua đá		3.919.751.750
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	1.110.000	
Ứng tiền thi công công trình		
Cộng nợ phải trả	<u>2.367.519.926.477</u>	<u>1.209.84.141.641</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



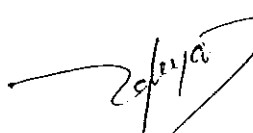
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Bình Dương, ngày 11 tháng 05 năm 2015



Lê Ngọc Hường
Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nga
TUQ Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

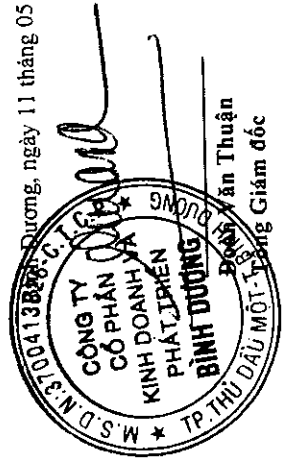
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.907.875.019	-	42.380.863.662	156.572.528.970	1.219.485.319.644
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	116.642.531.344	116.642.531.344
Lợi nhuận dùng tăng vốn trong năm	-	-	3.136.536.000	-	-	(4.021.200.000)	(884.664.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	350.983.345	(11.169.315.259)	(10.676.547.555)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.052.851.235	1.052.851.235
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	8.044.411.019	-	42.731.847.007	119.077.396.290	1.185.619.490.668
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	8.044.411.019	-	42.731.847.007	119.077.396.290	1.185.619.490.667
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(14.545.930.126)	(14.545.930.126)
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	291.274.534	-	466.316.954
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng Tán Thành Mỹ	-	-	-	-	-	-	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	8.044.411.019	-	43.023.121.541	104.531.466.164	1.171.539.877.495

Đơn vị tính: VND

Dương, ngày 11 tháng 05 năm 2015



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Tuyết Nga
TUQ Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Lê Ngọc Hương
Người lập biểu